ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: **Tiết:** 0-0
Phòng: **Tỷ lệ:**100%
Mã MH: ME1001 **Số TC:** 3.0
Nhóm-tổ: L10-A

MÔN HỌC: Nhập môn về kỹ thuật
CBGD: Hồ Thị Minh Hương - 001905

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	1410029	Nguyễn Thị Thúy	An			8.5	Tám rưỡi	
2	1410119	Phạm Thị Ngọc	Anh			9.0	Chín chẵn	
3	1410260	Nguyễn Chí	Bia			8.0	Tám chẵn	
4	1410262	Đoàn Thị Hồng	Bích			9.0	Chín chẵn	
5	1410264	Vũ Thị Ngọc	Bích			8.5	Tám rưỡi	
6	1410512	Nguyễn Thị Kiều	Diễm			9.0	Chín chẵn	
7	1410520	Nguyễn Thị	Diệp			8.0	Tám chẵn	
8	1410531	Đỗ Thị	Dung			9.0	Chín chẵn	
9	1410538	Nguyễn Thị Ngọc	Dung			8.0	Tám chẵn	
10	1410617	Phạm Phúc	Duy			8.0	Tám chẵn	
11	1410652	Trần Thị Thùy	Duyên			8.0	Tám chẵn	
12	1414885	Bùi Thị Ngọc	Giàu			8.5	Tám rưỡi	
13	1411012	Nguyễn Thị Thúy	Hà			9.0	Chín chẵn	
14	1411102	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh			9.0	Chín chẵn	
15	1411116	Phạm Thị	Hằng			9.0	Chín chẵn	
16	1411140	Nguyễn Phúc	Hậu			8.5	Tám rưỡi	
17	1411227	Nguyễn Thị	Hiền			8.5	Tám rưỡi	
18	1411228	Nguyễn Thị Thu	Hiền			9.0	Chín chẵn	
19	1411188	Nguyễn Đức	Hiếu			8.5	Tám rưỡi	
20	1411386	Dương TrươngPhương	Hồng			8.5	Tám rưỡi	
21	1412050	Trịnh Thị Khánh	Linh			9.0	Chín chẵn	
22	1412405	Vũ Thị Hồng	Nga			8.0	Tám chẵn	
23	1412499	Ngô Thanh	Ngọc			9.0	Chín chẵn	
24	1412641	Phan Trọng	Nhân			8.5	Tám rưỡi	
25	1412702	Đồng Ngọc Tuyết	Nhi			9.0	Chín chẵn	
26	1412712	Nguyễn Hồng	Nhi			9.0	Chín chẵn	
27	1412793	Nguyễn Hoàng	Oanh			9.0	Chín chẵn	
28	1412802	Vũ Thị Hoàng	Oanh			9.0	Chín chẵn	
29	1413064	Nguyễn Thị Bích	Phượng			9.0	Chín chẵn	
30	1413214	Dương Như	Quỳnh			6.5	Sáu rưỡi	
31	1413404	Danh Hữu	Tâm			8.0	Tám chẵn	
32	1413644	Nguyễn Thị Ngọc	Thạnh			9.0	Chín chẵn	
33	1413624	Nguyễn Thùy Ngọc	Thảo			8.5	Tám rưỡi	
34	1413841	Trần Huỳnh	Thông			9.5	Chín rưỡi	
35	1413853	Đặng Thị	Thơm			8.5	Tám rưỡi	
36	1413860	Trương Hoàng Như	Thu			8.5	Tám rưỡi	
37	1413893	Nguyễn Thị	Thùy			8.5	Tám rưỡi	
38	1413890	Phùng Thị Cẩm	Thúy			8.5	Tám rưỡi	
39	1413943	Nguyễn Thị Hoài	Thương			8.5	Tám rưỡi	
40	1414465	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền			9.0	Chín chẵn	

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Trần Đại Nguyên

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

Hồ Thị Minh Hương

Ngày nộp: 22/01/15

<CK - 24/32>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: **Tiết:** 0-0
Phòng: **Tỷ lệ:**100%

MÔN HỌC: Nhập môn về kỹ thuật
Mã MH: ME1001 **Số TC:** 3.0

CBGD: Hồ Thị Minh Hương - 001905
Nhóm-tổ: L10-A

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
41	1414588	Lê Nguyễn Mai Uyên			8.5	Tám rưỡi	
	*Danh sách này có **41** sinh viên. In ngày **06/01/2015**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **15/01/2015**.*						

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Trần Đại Nguyên

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

Hồ Thị Minh Hương

Ngày nộp: 22 / 01 / 15

ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC NHẬP MÔN KĨ THUẬT

CK14DM

GV : HỒ THỊ MINH HƯƠNG

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NHÓM	HOẠT ĐỘNG LỚP (15%)	KIỂM TRA (20%)	BÀI TẬP VỀ NHÀ (15%)	TIỂU LUẬN (10%)	ĐỒ ÁN (40%)	ĐIỂM TỔNG KẾT	ĐIỂM LÀM TRÒN
1	1410029	Nguyễn t Thúy An	XANH	8.7	8	8.3	9	8.5	8.5	8.5
2	1410119	Phaạm t ngọc Anh	SÓNG THẦN	7.7	8	7.8	9	10	8.8	9
3	1410260	Nguyễn Chí Bia	SÓNG GIÓ	7.1	8	7.8	8	9	8.2	8
4	1410262	Đoàn t Hồng Bích	BÌNH MINH	9.2	8	8.5	8	10	9.1	9
5	1410264	Vũ t ngọc Bích	SÓNG GIÓ	6.4	8	7.8	10	9	8.3	8.5
6	1410512	Nguyễn t kiều diễm	SÓNG THẦN	8.5	8	7.8	8	10	8.8	9
7	1410520	Nguyễn t Diệp	XANH	7.2	8	8.3	9	8.5	8.2	8
8	1410531	Đỗ t Dung	SÓNG THẦN	8.5	8	7.8	9	10	8.9	9
9	1410538	Nguyễn t Ngọc Dung	XANH	4.3	8	8.3	10	8.5	7.9	8
10	1410617	Phạm Phúc Duy	BÌNH MINH	7.2	8	8.5	6	8	7.8	8
11	1410652	Trần t Thùy Duyên	CẦU VÒNG	8.6	8	3.8	8	9	7.9	8
12	1414885	Bùi thị Ngọc Giàu	CẦU VÒNG	7.3	8	8.3	9	9	8.4	8.5
13	1411012	Nguyễn t Thúy hà	BÌNH MINH	8.9	8	8.5	10	10	9.2	9
14	1411102	Nguyễn t Hồng Hạnh	BA LÔ	9.4	7	8.5	10	10	9.1	9
15	1411116	Phạm Thị hằng	BÌNH MINH	6.2	8	8.5	10	10	8.8	9
16	1411140	Nguyễn phúc Hậu	SÓNG GIÓ	8.9	8	7.8	10	9	8.7	8.5
17	1411227	Nguyễn thị hiền	CẦU VÒNG	8.9	8	8.3	8	9	8.6	8.5
18	1411228	Nguyễn T Thu Hiền	SÓNG THẦN	6.9	8	7.8	10	10	8.8	9
19	1411188	Nguyễn Đức Hiếu	CẦU VÒNG	8.9	8	8.3	9	9	8.7	8.5
20	1411386	ương Tr Phương Hồn	BA LÔ	8.4	7	8.5	7	10	8.6	8.5
21	1412050	Trịnh t Khánh Linh	BÌNH MINH	8.2	8	8.5	10	10	9.1	9
22	1412405	Vũ T Hồng Nga	XANH	7	8	8.3	8	8.5	8.1	8
23	1412499	Ngô Thanh Ngọc	BA LÔ	9.1	7	8.5	10	10	9.0	9
24	1412641	Phan Trọng Nhân	XANH	8.7	8	8.3	10	8.5	8.6	8.5
25	1412702	Đồng Ngọc Tuyết Nhi	BÌNH MINH	9.2	8	8.5	8	10	9.1	9
26	1412712	Nguyễn Hoồng Nhi	SÓNG THẦN	8.5	8	7.8	9	10	8.9	9
27	1412793	Nguyễn Hoàng Oanh	CẦU VÒNG	8.9	8	8.3	10	9	8.8	9
28	1412802	Vũ t Hoàng Oanh	BA LÔ	9.4	7	8.5	7	10	8.8	9
29	1413064	guyễn Thị Bích Phươ	CẦU VÒNG	8.9	8	8.3	10	9	8.8	9
30	1413214	Dương Như quỳnh	XANH	6	0	8.3	9	8.5	6.4	6.5
31	1413404	Danh Hữu Tâm	BA LÔ	6.5	7	5	7	10	7.8	8
32	1413644	Nguyễn t Ngọc Thạnh	BÌNH MINH	7.2	8	8.5	9	10	8.9	9
33	1413624	guyễn Thùy Ngọc Thá	SÓNG GIÓ	8.9	8	7.8	10	9	8.7	8.5
34	1413841	Trần Huỳnh Thông	CẦU VÒNG	9.5	8	8.3	10	10	9.3	9,5
35	1413853	Đặng t Thơm	SÓNG THẦN	6	8	7.8	7	10	8.4	8.5
36	1413860	rương hoàng Như Th	SÓNG GIÓ	8.9	8	7.8	10	9	8.7	8.5
37	1413893	Nguyễn thị Thùy	SÓNG GIÓ	8.9	8	7.8	10	9	8.7	8.5
38	1413890	Phùng t Cẩm Thúy	BA LÔ	6.5	7	8.5	10	10	8.7	8.5
39	1413943	Nguyễn t Hoài Thương	SÓNG THẦN	6.9	8	7.8	9	10	8.7	8.5
40	1414465	Nguyễn t Thanh tuyền	SÓNG GIÓ	8.9	8	7.8	8	10	8.9	9
41	1414588	Lê Nguyễn Mai Uyên	XANH	8.7	8	8.3	10	8.5	8.6	8.5